

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **LÊ THỊ HIỆP**

- Ông **MAI HUY MÂN**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 244/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **LÊ THỊ CẨM T**, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Anh **PHẠM MINH N**, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 14/5/2021, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T trình bày: Chị T và anh Phạm Minh N tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2014 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường cãi vã, do anh N chơi cờ bạc nợ nần, không quan tâm vợ con nên vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 5/2021 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 04/4/2015; Phạm Anh T, sinh ngày 28/5/2017 các cháu đang sống với anh N.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Lê Thị Cẩm T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Minh N, chị T giao 02 con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Bị đơn anh Phạm Minh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Xét thấy, bị đơn anh Phạm Minh N cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh T. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Phạm Minh N nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy, chị Lê Thị Cẩm T và anh Phạm Minh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56 vào ngày 08/7/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh N vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N cờ bạc, nợ nần không quan tâm vợ con. Chị T, anh N đã ly thân từ tháng 05/2021 đến nay. Khi chị T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh N nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh N đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị T. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân đã lâu, từ khi ly thân đến nay anh chị bỏ mặc không còn quan tâm nhau nên tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Chị T và anh N có 02 con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 04/4/2015; Phạm Anh T, sinh ngày 28/5/2017 các cháu đang sống với anh N, tại phiên tòa hôm nay chị T đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay các cháu do anh N nuôi dưỡng, các cháu còn nhỏ chưa tròn 7 tuổi, hiện các cháu phát triển bình thường, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Phạm Minh H và Phạm Anh T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Tại phiên tòa chị Lê Thị Cẩm T đồng ý cấp dưỡng 750.000đ mỗi tháng trên cho 01 con chung đến khi các cháu trưởng thành, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] **Về án phí:** Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Minh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh H, sinh ngày 04/4/2015; Phạm Anh T, sinh ngày 28/5/2017 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Cẩm T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 750.000đ trên một con chung cho đến khi các cháu Phạm Minh H, Phạm Anh T tròn 18 tuổi lao động được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (13/01/2022).

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0000261 ngày 28/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 300.000đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc